**Triển vọng kinh tế toàn cầu: Khu vực Đông Á Thái Bình Dương**

**Dịch chuyển ưu tiên, xây dựng tương lai**

Tháng 6/2014

**Diễn biến kinh tế trong thời gian vừa qua**: Tăng trưởng khu vực Đông Á Thái Bình Dương tiếp tục giảm xuống mức bền vững hơn—sản lượng tăng 7,2% trong năm 2013, thấp hơn một chút so với mức 7,4% năm 2012 nhưng vẫn kém 2 điểm phần trăm so với mức trung bình của khu vực thời kỳ trước khủng hoảng. Tại Trung Quốc GDP tăng 7,7% năm 2013 bằng mức tăng trưởng năm 2012 nhưng thấp hơn nhiều so với thời kỳ trước khủng hoảng; mức tăng trưởng này đã phản ánh tác động của các biện pháp hỗ trợ tăng trưởng và các biện pháp hành chính thắt chặt nhằm tái cân đối, đưa nền kinh tế ra khỏi quỹ đạo đầu tư cơ bản dựa vào tín dụng. Tại các nước khác trong vùng tăng trưởng đã phục hồi hoặc còn thấp hơn mức tăng trưởng tại Trung Quốc thời kỳ sau khủng hoảng, nhưng trong năm 2013 tăng trưởng đã chậm lại tại một số nền kinh tế lớn trong khối ASEAN ví dụ do thực hiện các biện pháp điều chỉnh tại In-đô-nê-xia và Ma-lai-xia cộng với bất ổn chính trị tại Thái Lan. Các nền kinh tế khác trong vùng có tăng trưởng đôi chút hoặc giữ mức ổn định. Các biện pháp điều chỉnh vẫn tiếp tục trong năm 2014 dẫn đến kết quả tăng trưởng toàn vùng bị kém trong quí 1. Tuy vậy vẫn có thể nhận thấy các tín hiệu tăng trưởng phản ánh tác động của các biện pháp hỗ trợ tăng trưởng tại Trung Quốc, giảm nhẹ điều chỉnh nội địa tại một số nền kinh tế lớn thuộc nhóm thu nhập trung bình trong khu vực và tăng trưởng xuất khẩu toàn cầu.

Các biện pháp thắt chặt chính sách, hậu quả của việc thắt chặt điều kiện tài chính trong khủng hoảng tài chính 2013, đã dẫn đến giảm đầu tư và nhập khẩu, trong khi tiêu dùng cá nhân vẫn tăng, trừ Thái Lan, và xuất khẩu cũng bắt đầu tăng do nền kinh tế toàn cầu bắt đầu hồi phục. Kim ngạch xuất khẩu thuần đã trở thành yếu tố đóng góp vào tăng sản lượng khu vực năm 2013. Cộng với điều chỉnh nội địa các yếu tố đó đã giúp làm giảm mức độ tổn thương. Đặc biệt, tài khoản vãng lai đã cải thiện (In-đô-nê-xia, Thái Lan) tăng trưởng tín dụng thực đã hồi phục ở mức vừa phải tương xứng với mức bền vững trong toàn vùng, và áp lực về giá cũng giảm (In-đô-nê-xia). Các yếu tố nền tảng đã cải thiện, cùng với mức độ chấp nhận rủi ro toàn cầu tăng lên đã làm tăng lượng vốn chảy vào khu vực. Đồng Rupiah In-đô-nê-xia và đồng Bhat Thái, hai đồng tiền bị tác động mạnh nhất bởi khủng hoảng tài chính năm 2013 đã bắt đầu khôi phục giá trị từ đầu năm 2014 tuy vẫn còn yếu hơn thời kỳ trước đây 1 năm kể cả giá trị danh nghĩa và giá trị thực. Tương tự, thị trường chứng khoán cũng hồi phục từ đầu năm 2014 nhưng tại một số nước vẫn chưa trở lại mức trước đây 1 năm (nhất là tại Thái Lan và In-đô-nê-xia). Chi phí vay vốn cũng giảm.

**Triển vọng** : Triển vọng kinh tế khu vực Đông Á Thái Bình Dương sẽ vẫn tiếp tục phản ánh các yếu tố tác động trái ngược như điều chỉnh nội địa, điều kiện tài chính biến động, khủng hoảng chính trị tại Thái Lan và quá trình phục hồi khó khăn nhưng bền vững về xuất khẩu toàn cầu. Dự tính mức tăng trưởng chung toàn khu vực sẽ giảm không đáng kể xuống mức 7,0% vào năm 2016, khoảng 2 điểm phần trăm thấp hơn mức trước khủng hoảng nhưng về cơ bản tương xứng với tiềm năng. Tăng trưởng Trung Quốc sẽ giảm dần từ 7,6% năm 2014 xuống còn 7,4% năm 2016 trong đó có yếu tố tăng trưởng nhờ vào đầu tư, nhưng với mức độ giảm dần. Quá trình tái cân đối tăng trưởng sẽ tiếp tục tạo ra các thách thức và sẽ diễn ra chậm chạp cùng với một số biến động do bị ảnh hưởng bởi chính sách tài khóa và tiền tệ nới lỏng nhằm đạt mục tiêu tăng trưởng hàng năm. Tăng trưởng toàn vùng (trừ Trung Quốc) dự tính sẽ tăng dần lên mức 5,5% vào năm 2016 do cầu bên ngoài tăng, quá trình điều chỉnh đã hoàn thành và căng thẳng tại Thái Lan được tháo ngòi. Triển vọng các nền kinh tế nhỏ như Lào, Mông Cổ và Papua Niu Ghi-nê sẽ tiếp tục bị ảnh hưởng bởi những mất cân đối lớn và đòi hỏi phải thực hiện các hành động chính sách mạnh.

**Rủi ro**: Biến động và cuối cùng là thắt chặt tài chính trong quá trình bình thường hóa chính sách tiền tệ tại Mỹ, quá trình phục hồi nhập khẩu khó khăn toàn cầu và tốc độ co cụm kinh tế nhanh hơn dự tính tại Trung Quốc là những rủi ro chính đối với Triển vọng kinh tế trong vùng. Ngược lại, nếu nhu cầu nhập khẩu toàn cầu phục hồi nhanh và Trung Quốc thực hiện điều chỉnh thành công lại là các yếu tố tích cực đối với toàn vùng. Môi trường tài chính bên ngoài thuận lợi hiện nay có thể làm giảm quyết tâm cải cách trong nước. Các món nợ lớn tích tụ qua nhiều năm tăng trưởng đầu tư dựa trên tín dụng và các hạn chế cơ cấu sẽ tác động tiêu cực lên Triển vọng kinh tế trong vùng. Hiện nay khả năng dễ xảy ra nhất là quá trình điều chỉnh sẽ diễn ra suôn sẻ và dẫn đến thắt chặt chính sách nhưng vẫn tồn tại rủi ro nếu xảy ra trường hợp đôi lúc dòng vốn chảy ngược hoặc các hình thức biến động khác trên thị trường tài chính.

Rủi ro liên quan đến Trung Quốc và quá trình phục hồi các nền kinh tế phát triển bao gồm cả mặt tích cực và tiêu cực. Nếu xảy ra tình trạng tăng trưởng Trung Quốc chững lại nhanh hơn dự đoán thì sẽ nảy sinh các mất cân đối khó kiểm soát và ảnh hưởng tới chiều hướng phát triển toàn vùng. Nhưng nếu Trung Quốc tiến hành thành công tái cân đối nền kinh tế lại là một cơ may. Tương tự, nếu các nước phát triển phục hồi nhanh hơn dự kiến sẽ dẫn đến tăng thương mại toàn cầu trong khi phục hồi chậm hoặc các nước đó áp dụng chính sách bảo hộ hoặc thắt chặt điều kiện tài chính, bao gồm cả tài trợ thương mại không phù hợp sẽ tác động tiêu cực tới tăng trưởng kinh tế trong vùng.

**Dự báo khu vực Đông Á Thái Bình Dương**

Mức % thay đổi hàng năm, trừ phi ghi khác

GDP tính theo giá thị trường (theo giá trị đồng US$ năm 2010)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  | Ước lượng | Dự báo | Dự báo | Dự báo |
|  | **00-09\*** | **2010** | **2011** | **2012** | **2013** | **2014** | **2015** | **2016** |
| Cam-pu-chia | 7,4 | 6,0 | 7,1 | 7,3 | 7,4 | 7,2 | 7,0 | 7,0 |
| Trung Quốc | 9,4 | 10,4 | 9,3 | 7,7 | 7,7 | 7,6 | 7,5 | 7,4 |
| Fiji | 1,3 | 0,1 | 1,9 | 2,2 | 2,7 | 2,4 | 2,4 | 2,3 |
| In-đô-nê-xia | 4,6 | 6,2 | 6,5 | 6,3 | 5,8 | 5,3 | 5,6 | 5,6 |
| Lào | 6,2 | 8,5 | 8,0 | 8,2 | 8,1 | 7,2 | 7,9 | 9,1 |
| Malaysia | 3,9 | 7,4 | 5,1 | 5,6 | 4,7 | 4,9 | 5,0 | 5,0 |
| Mông-cổ | 5,8 | 6,4 | 17,5 | 12,4 | 11,7 | 10,0 | 8,8 | 7,4 |
| Myanmar | 9,7 | 5,3 | 5,9 | 7,3 | 7,5 | 7,8 | 7,8 | 7,8 |
| Papua New Guinea | 3,0 | 8,0 | 9,0 | 8,7 | 4,4 | 10,0 | 20,0 | 4,0 |
| Philippines | 4,0 | 7,6 | 3,6 | 6,8 | 7,2 | 6,6 | 6,9 | 6,5 |
| Solomon Islands | 2,8 | 7,0 | 9,1 | 4,9 | 3,1 | 3,5 | 3,5 | 3,5 |
| Thái Lan | 3,5 | 7,8 | 0,1 | 6,5 | 2,9 | 2,5 | 4,5 | 4,5 |
| Timor-Leste | 3,3 | 9,5 | 12,0 | 8,3 | 8,1 | 8,0 | 7,7 | 8,6 |
| Việt Nam  | 5,9 | 6,4 | 6,2 | 5,3 | 5,4 | 5,5 | 5,6 | 5,8 |

\* Tỉ lệ tăng trưởng trong cả thời kỳ tính theo tỉ lệ gộp

Nguồn: Ngân hàng Thế giới